

UBND TỈNH THÁI BÌNH
SỞ TÀI CHÍNH

Số: 1201/STC-TT

V/v: Đăng ký mua sắm tài sản
theo phương thức tập trung
đợt 2 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Bình, ngày 03 tháng 6 năm 2021

Kính gửi: - Các Sở, Ban, Ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc thiết bị chuyên dùng của các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 3662/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 sửa đổi, bổ sung danh mục tài sản mua sắm tập trung ban hành tại Quyết định số 1082/QĐ-UBND; Hướng dẫn số 07/HD-STC ngày 17/12/2019 của Sở Tài chính Hướng dẫn mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Để tổ chức thực hiện mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung đợt 2 năm 2021 theo quy định. Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (các đơn vị đầu mối) thực hiện một số nội dung cụ thể như sau:

1. Tổ chức thực hiện đăng ký và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đăng ký nhu cầu mua sắm tài sản theo phương thức tập trung theo Mẫu số 01/ĐK/MSTT, gửi về đơn vị đầu mối để tổng hợp gửi đơn vị mua sắm tập trung của tỉnh.

1.1. Đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ nhu cầu và nguồn kinh phí; Căn cứ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và giá dự toán tài sản tại Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm để thực hiện đăng ký nhu cầu mua sắm.

Riêng đối với loại máy móc, thiết bị văn phòng chưa được quy định trong

danh mục tài sản theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm (*Máy in màu; bàn ghế làm việc, tủ tài liệu cho các chức danh lãnh đạo*): Căn cứ tiêu chuẩn, định mức và nhu cầu, nguồn kinh phí để thực hiện đăng ký theo nhu cầu của đơn vị.

1.2. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm: Máy móc, thiết bị trang bị ở các phòng phục vụ hoạt động chung; Máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng: Căn cứ nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí: Thực hiện đăng ký theo nhu cầu của đơn vị.

(Lưu ý: Đối với các tài sản là thiết bị nội thất như bàn ghế phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ theo đơn đặt hàng của đơn vị phải có bản thiết kế chi tiết kèm theo; Đối với thiết bị là máy điều hòa nhiệt độ căn cứ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và giá dự toán tài sản tại Phụ lục số 03 đính kèm để thực hiện đăng ký nhu cầu mua sắm)

1.3. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị hoạt động đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng được quy định tại Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Căn cứ nhu cầu và nguồn kinh phí; Căn cứ danh mục, tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá tài sản tại Phụ lục số 01, 02, 03 đính kèm để thực hiện đăng ký nhu cầu mua sắm.

(Đối với các tài sản có giá dự toán cao hơn hoặc chưa có trong phụ lục 01, 02, 03 thì căn cứ tiêu chuẩn, định mức đăng ký theo nhu cầu của đơn vị)

1.4. Đối với đồ chơi ngoài trời cho Giáo dục mầm non: Căn cứ danh mục thiết bị đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non ban hành theo Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện đăng ký theo nhu cầu đơn vị.

2. Tổng hợp nhu cầu đăng ký của các đơn vị trực thuộc theo Mẫu số 02/TH/MSTT gửi về Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính thuộc Sở Tài chính Thái Bình trước ngày 15/07/2021.

Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát về nguồn kinh phí thực hiện; tiêu chuẩn, định mức tài sản đăng ký mua sắm tập trung của từng đơn vị trực thuộc.

Trung tâm Tư vấn và Dịch vụ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, tổng hợp nhu cầu đăng ký mua sắm của các đơn vị đầu mối và tổ chức mua sắm tập trung theo đúng quy định.

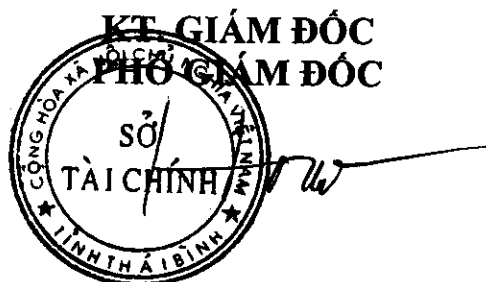
3. Các đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản thực hiện việc đăng nhập thông tin về Hợp đồng mua sắm tài sản vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công theo tài liệu hướng dẫn sử dụng của Bộ Tài chính.

(Mẫu số 01/ĐK/MSTT, 02/TH/MSTT và Phụ lục 01, 02, 03 được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Tài chính Thái Bình: <http://sotaichinh.thaibinh.gov.vn/>).

Sở Tài chính đề nghị các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp tổ chức thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TT.



Vũ Huy Hoàng

HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN

Thiết bị tin học, máy văn phòng MSTT đợt 2 năm 2021

(Kèm theo Công văn số 1201/STC-TT ngày 03/6/2021 của Sở Tài chính Thái Bình)

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
A	MÁY VI TÍNH			
I	MÁY TÍNH ĐỂ BÀN			
1	Máy tính để bàn đồng bộ loại 1	Bộ	9.000	Bộ vi xử lý: Intel® Celeron® G5900 (2 lõi, 2 luồng, 3.4Ghz). Bộ nhớ đệm: 2MB L3 Cache Bộ nhớ RAM 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD 120GB Bảng mạch chủ: Intel® H410 Express Chipset Màn hình: LCD LED 21.5" LED Vỏ máy: có Nguồn: 550W Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
2	Máy tính để bàn đồng bộ loại 2	Bộ	11.000	AMD Athlon™ 3000G Processor with Radeon™ Vega 3 Graphics (2 lõi, 4 luồng, 3.5Ghz) Bộ nhớ đệm: 4MB L3 Cache Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD 240 Gb Bảng mạch chủ: Chipset AMD A320 Vỏ máy: có Nguồn 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
3	Máy tính để bàn đồng bộ loại 3	Bộ	13.000	Intel® Pentium® G6400 Processor (2 lõi, 4 luồng , 4.0 GHz) Bộ nhớ đệm: 4Mb Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD dung lượng 480GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
4	Máy tính để bàn đồng bộ loại 4	Bộ	15.000	Intel® Core i3 10100 Processor (4 lõi, 8 luồng , 3.6 GHz) Bộ nhớ đệm: 6Mb Bộ nhớ RAM: 4GB DDR4 Ổ cứng: SSD 480GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
5	Máy tính để bàn đồng bộ loại 5		17.000	Intel® Core i5 10400 Processor (6 lõi, 12 luồng , 2.9 GHz) Bộ nhớ đệm: 12Mb Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD 480GB Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
6	Máy tính để bàn đồng bộ loại 6	Bộ	22.000	Bộ vi xử lý: Intel® Core i7 10700 Processor (8 lõi, 16 luồng , 2.9 GHz upto 4.8Ghz) Bộ nhớ đệm: 16Mb Bộ nhớ RAM: 8GB DDR4 Ổ cứng: SSD 480GB + HDD 1TB sata 3 Bảng mạch chủ: Intel® H470 Express Chipset Vỏ máy: có Nguồn: 550W Màn hình máy tính LED 21.5" Bàn phím USB Chuột USB Hệ điều hành: bản quyền Window 10 home trở lên
II	MÁY TÍNH XÁCH TAY			
2	Máy tính xách tay loại 1	Chiếc	15.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i3-1115G4 (6MB Cache, 1.7GHz, Turbo Boost 4.1GHz), Bộ nhớ RAM: 4GB (1x4GB) DDR4 2666MHz, Ổ cứng: 256GB SSD, Màn hình: 15.6" FHD, Chipset: Sử dụng chipset Intel Hỗ trợ Intel UHD Graphics; Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
3	Máy tính xách tay loại 2	Chiếc	18.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i5-1135G7 (8M Cache, 2.4GHz, Turbo Boost 4.2GHz) Bộ nhớ RAM: 4GB 2666Mhz DDR4 Ổ cứng: 512GB SSD Chipset: Sử dụng chipset Intel Hỗ trợ Intel® UHD Graphics Màn hình: Màn hình: 15.6" FHD Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
4	Máy tính xách tay loại 3	Chiếc	26.000	Bộ vi xử lý: Intel Core i7-1165G7 (12MB Cache, 2.8GHz, Turbo Boost 4.7GHz) Bộ nhớ RAM: 16GB 3200Mhz DDR4, Ổ cứng: 512 SSD VGA: 2GB GDDR5 Màn hình: 15.6" FHD Giao tiếp mạng: 10/100 /1000 MBs Mbitpcs Fast Ethernet/ 802.11ac/ Bluetooth Pin: 3-Cell Hệ điều hành: Win 10 home bản quyền trở lên
B	MÁY IN			
1	Máy in loại 1	Chiếc	3.000	- Loại máy in: Laser đen trắng - Khổ giấy: A4, B5, A5, LGL, LTR, Executive - Bộ nhớ: 2Mb - In đảo mặt: không - Tốc độ in: 12 trang/phút (A4) - Độ phân giải: 600 x 600 dpi - Cổng giao tiếp: USB
2	Máy in loại 2	Chiếc	5.000	- Máy in Laser đơn sắc, A4/letter, in đảo mặt tự động - Tốc độ in: 30 trang/ phút (A4) - 32 trang/ phút (Letter) - Bộ nhớ: 128MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, IEEE802.11b/g/n (Wireless), Wi-Fi Direct
3	Máy in loại 3	Chiếc	7.000	Loại máy in laser đen trắng Bộ nhớ: 256MB Tốc độ: 30ppm Khổ giấy: A4, A5, B5, Letter... Khay giấy ra 150 tờ In 2 mặt tự động

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				Độ phân giải: 300 × 300dpi, 600 × 600dpi, 1200 × 1200dpi Cổng giao tiếp: USB 2.0/ LAN
4	Máy in loại 4	Chiếc	8.500	Máy in Laser đơn sắc đa chức năng, A4/letter, in đảo mặt tự động Tốc độ in: 30 trang/phút - Tính năng copy: có - Tính năng scan: có - Bộ nhớ: 256MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, IEEE802.11b/g/n (Wireless), Wi-Fi Direct, - Copy/Scan/Fax: tự động qua khay nạp bản gốc 50 tờ (ADF) - Hỗ trợ các Hệ điều hành: Win XP/7/8/8.1/10, server 2003/server 2008/server 2012 (32bit/64bit), Mac OS X, Linux
5	Máy in loại 5	Chiếc	9.500	Máy in Laser đơn sắc, A4/letter, đảo mặt tự động - Tốc độ in: 32 trang/ phút - Bộ nhớ: 128MB - Độ phân giải: 1200 x 1200 dpi, 1200 x 600 dpi, 600 x 600 dpi - khay giấy tiêu chuẩn: 250 tờ - khay tay: 50 tờ - khay giấy ra: 150 tờ - Giao diện kết nối: USB2.0, 10BASE-T/100BASE-TX Ethernet, tùy chọn thêm IEEE802.11b/g/n/a.c (Wireless)
C	MÁY PHOTOCOPY			
1	Máy Photocopy loại 1	Chiếc	41.000	Máy Photocopy tốc độ 23 bản (bao gồm bộ nạp và đảo) - Chức năng: Copy / in / Scan/ Network - Tốc độ Copy: 23 trang A4/phút - Dung lượng bộ nhớ: 512MB - Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi - Chức năng In mạng: Có sẵn - Độ phân giải in: 600 x 600 dpi - Giao diện kết nối in: Ethernet 100BASE-TX / 10BASE-T, USB2.0 - Chức năng Scan mạng: Có sẵn - Khổ giấy: A5 - A3
2	Máy Photocopy loại 2	Chiếc	56.000	Máy Photocopy tốc độ 25 bản/ phút (bao gồm bộ nạp và đảo)

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
				<p>Tốc độ copy: 25 trang/phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng bộ nhớ: 512MB - Độ phân giải copy: 600 x 600 dpi - Giao diện kết nối in: Ethernet 100BASE-TX / 10BASE-T, USB2.0 - Chức năng Scan mạng: Có sẵn - Khổ giấy: A5 - A3
3	Máy Photocopy loại 3	Chiếc	70.000	<p>Máy Photocopy tốc độ 30 bản/ phút (bao gồm bộ nạp và đảo)</p> <p>Tốc độ copy: 30 trang/phút</p> <p>Độ phân giải: 600 x 600dpi</p> <p>Dung lượng thiết bị lưu trữ: Ổ SSD 128Gb</p> <p>Bộ nhớ: 4G</p> <p>Khổ giấy sử dụng: Max A3, Min A5</p> <p>Trữ lượng giấy tiêu chuẩn: 500 tờ x 2 khay + 96 tờ cho Khay tay</p> <p>Bộ nạp bản gốc tự động</p> <p>Màn hình điều khiển: Màn hình cảm ứng 7 inch</p> <p>Chức năng in: in mạng</p> <p>Độ phân giải chuẩn in 1200 x 1200dpi</p> <p>Chức năng Scan.</p> <p>Độ phân giải quét: 600 x 600dpi.</p> <p>Cổng kết nối: Chuẩn: Ethernet 1000BASE-TX/100BASE-T/ 10BASE-T</p>
4	Máy Photocopy loại 4	Chiếc	90.000	<p>Chức năng copy:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ copy: 45 bản /phút - Khổ giấy: A5-A3 - Độ phân giải: 600 x 600dpi - Bộ nhớ: 4GB (Max) - Ổ cứng: 160 GB (sử dụng 128 GB) - Màn hình màu cảm ứng: 9 Inch - Bộ phận tự động nạp và đảo bản gốc: Có sẵn (130 tờ) - Bộ phận tự động đảo bản sao : Có sẵn - Bộ phận tự động chia bản chụp điện tử <p>Chức năng in mạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ (A4): 45 trang/phút - Độ phân giải: + Chuẩn: 600 x 600dpi (mặc định) + Cao: 1200 x 1200dpi - Cổng kết nối: Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T, USB2.0. <p>Chức năng quét Scanner (Scan màu):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ phân giải: 600 x 600dpi. - Tốc độ scan Màu / Đen trắng: 80 / 80 (trang / phút) - Giao diện kết nối: Ethernet 100BASE-TX/10BASE-T, USB2.0.

TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
D	MÁY CHIẾU			
1	Máy chiếu loại 1	Chiếc	20.000	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: DLP 0.55" DMD - Cường độ sáng: 3800 Ansilumens - Độ phân giải thực: SVGA (800 x 600) / Maximum: 1920 x 1200 (WUXGA) - Độ tương phản: 30.000 : 1 - Tỷ lệ khung hình hiển thị: 4:3, 16:9, 16:10 - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ - Cổng kết nối: HDMI 1.4 x1, VGA x1, S-VIDEO x1, Audio input 3.5mm x 1, Audio output 3.5mm x 1, USB- A x 1.
2	Máy chiếu loại 2	Chiếc	25.000	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ hiển thị: 3LCD Technology (0.63") - Cường độ sáng: 3400 Ansilumens - Độ tương phản: 16.000:1 - Độ phân giải thực: 1024 x 768 (XGA) / Maximum: Up to 4K@30Hz (3840x2160) - Tỷ lệ khung hình hiển thị: Auto, 4:3, 16:9, 15:9,16:10, Wide Zoom, Native. - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ (Chế độ ECO) - Cổng kết nối: HDMI Input x 2, VGA Input x1, VGA Output x1 , Video RCA x 1, LAN: RJ45 x1, Audio Input x 1 , Audio Input(L/R) x 1, Audio Output x 1 RS232/D-sub 9pin (PC Control) x 1, USB- B x1 USB Type A x1 -Loa gắn trong: 16W - Cổng kết nối: HDMI, VGA, Video, RJ45, USB-A, USB -B.
3	Máy chiếu loại 3	Chiếc	30.000	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghệ: DLP 0.55" DMD - Cường độ sáng: 3800 Ansilumens - Độ phân giải thực: XGA (1024 x 768) / Maximum: 1920 x 1200 (WUXGA) - Độ tương phản: 30.000 : 1 - Tỷ lệ khung hình hiển thị: 4:3, 16:9, 16:10 - Tuổi thọ bóng đèn: 15.000 giờ - Cổng kết nối: HDMI 1.4 x1, VGA x1, S-VIDEO x1, Audio input 3.5mm x 1, Audio output 3.5mm x 1, USB- A x 1

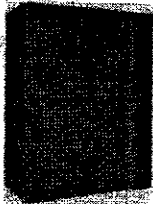
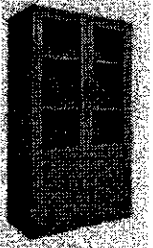

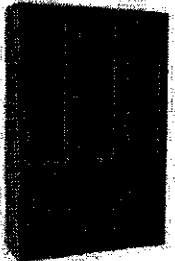
HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN**Máy điều hòa nhiệt độ MSTT đợt 2 năm 2021***(Kèm theo Công văn số 1201/STC-TT ngày 03/6/2021 của Sở Tài chính)*

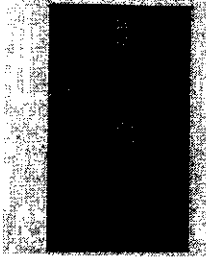


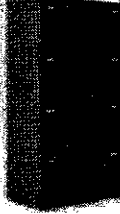
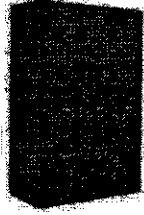
TT	Tên sản phẩm	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
A	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG 1 CHIỀU INVERTER			
I	Loại 1	Chiếc	9.090	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 9.000/9.200 (BTU) - Loại máy: điều hòa 1 chiều - Điều khiển từ xa
II	Loại 2	Chiếc	10.590	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 12.000(BTU) - Loại máy: điều hòa 1 chiều - Điều khiển từ xa
III	Loại 3	Chiếc	17.390	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 18.000 (BTU) - Loại máy: điều hòa 1 chiều - Điều khiển từ xa
IV	Loại 4	Chiếc	21.490	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 23.800/24.000(BTU) - Loại máy: điều hòa 1 chiều - Điều khiển từ xa
B	ĐIỀU HÒA TREO TƯỜNG 2 CHIỀU INVERTER			
I	Loại 1	Chiếc	11.590	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 9.000/9.200(BTU) - Công suất sưởi ấm: 9.000/10.000(BTU) - Loại máy: điều hòa 2 chiều - Điều khiển từ xa
II	Loại 2	Chiếc	13.190	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 12.000 BTU - Công suất sưởi ấm: 12.000/12.800(BTU) - Loại máy: điều hòa 2 chiều - Điều khiển từ xa



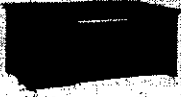



TT	Tên sản phẩm	DVT	Đơn giá (1.000đ)	Đặc tính kỹ thuật cơ bản
III	Loại 3	Chiếc	22.290	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 18.000BTU - Công suất sưởi ấm: 18.000/20.500(BTU) - Loại máy: điều hòa 2 chiều - Điều khiển từ xa
IV	Loại 4	Chiếc	26.190	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 24.000BTU - Công suất sưởi ấm: 24.000/24.500(BTU) - Loại máy: điều hòa 2 chiều - Điều khiển từ xa
C	ĐIỀU HÒA TỬ ĐỨNG 1 CHIỀU INVERTER			
I	Loại 1	Chiếc	30.190	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 24.000BTU - Loại máy: điều hòa tử đứng 1 chiều
II	Loại 2	Chiếc	35.490	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 28.000BTU - Loại máy: điều hòa tử đứng 1 chiều
III	Loại 3	Chiếc	49.690	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 46.000BTU - Loại máy: điều hòa tử đứng 1 chiều
IV	Loại 4	Chiếc	49.690	- Cấu tạo: Cục nóng, cục lạnh - Công nghệ Inverter - Công suất làm lạnh: 46.000BTU - Loại máy: điều hòa tử đứng 1 chiều - Sử dụng điện 3 pha




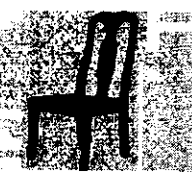

SỞ TÀI CHÍNH








**HƯỚNG DẪN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT VÀ GIÁ DỰ TOÁN
THIẾT BỊ NỘI THẤT MSTT ĐỢT 2 NĂM 2021**
(Kèm theo Công văn số 1201/STC-TT ngày 03/6/2021 của Sở Tài chính)

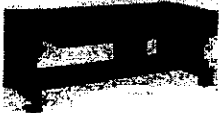




STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
I	Tủ tài liệu				
1	Tủ tài liệu (loại 1)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Tủ có 04 khoang đều nhau đi kèm 04 khóa. Mỗi khoang có 01 đợt chia làm 02 ngăn để tài liệu - Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	2.850	
2	Tủ tài liệu (loại 2)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi+ Bên trên có 02 khung cánh mở đi kèm 01 khóa và 02 tay nắm nhôm; 02 đợt di động chia làm 03 ngăn để tài liệu. Tủ không có kính đi kèm+ Bên dưới có 02 cánh sắt mở, có khóa và núm tay nắm ở mỗi cánh- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	3.500	
3	Tủ tài liệu (loại 3)	Tủ tài liệu gỗ công nghiệp, độ dày 18 mm, sơn PU cao cấp màu nâu. Phía trên không cánh, có 02 đợt để tài liệu. Phía dưới là 02 khoang cánh mở, có đợt để tài liệu. Kích thước: (900x400x2000)mm	Cái	3.570	
4	Tủ tài liệu (loại 4)	Tủ tài liệu sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Phần trên gồm 03 khoang, mỗi khoang cánh kính có 02 đợt di động. Phần dưới có 03 cánh sắt mở, có khóa. Mỗi cánh có 01 chia khóa riêng biệt- Kích thước: Tủ: (1380x450x1830)mm Kính: (1027x315x3)mm	Cái	4.250	

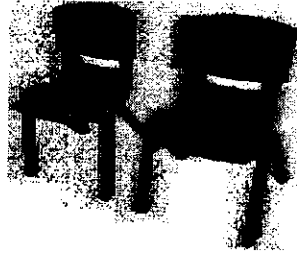
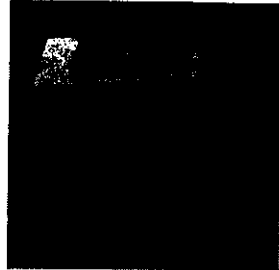
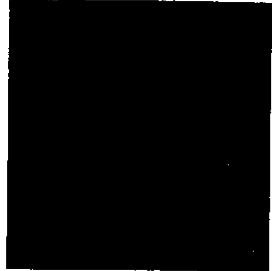
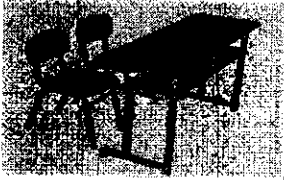
STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
5	Tủ tài liệu (loại 5)	Tủ tài liệu gỗ công nghiệp độ dày 18 mm, hậu dày 3 mm, sơn PU cao cấp màu nâu. Phía trên 02 cánh kính có đọt để tài liệu, 01 cánh đặc. Phía dưới 02 cánh đặc, 03 ngăn kéo- Kích thước: (1350x450x2000)mm	Cái	5.000	
6	Tủ tài liệu (loại 6)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi. Tủ tài liệu có 02 khoang cánh mở, 02 khóa. Bên trong có 03 đọt, chia làm 04 ngăn để tài liệu.- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	3.150	
7	Tủ tài liệu (loại 7)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi- Gồm 06 khoang đều nhau, mỗi khoang có 01 cánh sắt mở, 01 tay nắm nhựa liền khóa- Kích thước: (1000x450x1830)mm	Cái	3.500	
8	Tủ tài liệu (loại 8)	Tủ tài liệu bằng sắt, sơn tĩnh điện màu ghi- Gồm 08 khoang đều nhau. Mỗi khoang có 01 cánh sắt mở, 01 tay nắm nhựa liền khóa- Kích thước: (762x450x1830)mm	Cái	3.400	
9	Tủ tài liệu (loại 9)	Tủ tài liệu sắt, sơn tĩnh điện màu ghi.- Tủ có 12 khoang cánh sắt mở bằng nhau. Trên mỗi cánh có 1 khóa, núm tay nắm và tai khóa móc- Kích thước: (915x450x1830)mm	Cái	4.150	
II	Bàn làm việc				

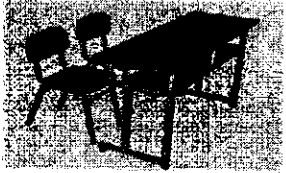
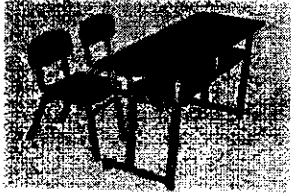
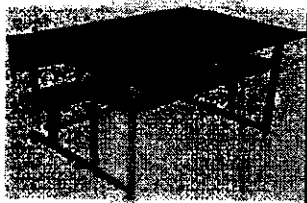
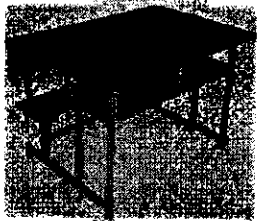
STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
1	Bàn làm việc kiểu dáng 1	Bàn làm việc gỗ công nghiệp màu ghi trắng ghi chì, mặt bàn dày 25mm, còn lại dày 18mm, hộc liền 01 ngăn kéo 01 cánh mở, KT:(1800x900x760)mm	Cái	1.800	
2	Bàn làm việc kiểu dáng 2	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ melamine, mặt bàn dày 25mm, còn lại dày 18mm, hộc liền sát đất, KT:(1400x700x750)mm	Cái	2.000	
3	Bàn làm việc kiểu dáng 3	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật dày 60mm, một bên có hộc liền để tài liệu, KT:(1200x700x760)mm	Cái	2.150	
4	Bàn làm việc kiểu dáng 4	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ melamine, mặt bàn dày 25mm, 02 hộc liền sát đất, KT:(1600x700x750)mm	Cái	2.750	
5	Bàn làm việc kiểu dáng 5	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn hình chữ nhật dày 60mm, một bên có hộc liền để tài liệu, KT:(1400x700x760)mm	Cái	2.850	
6	Bàn làm việc kiểu dáng 6	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn dày 60mm, một bên có hộc liền 1 ngăn kéo 1 cánh mở, khoang CPU và ngăn kéo. Bàn có bàn phím, KT:(1600x800x760)mm	Cái	3.900	

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
7	Bàn làm việc kiểu dáng 7	Bàn làm việc gỗ công nghiệp phủ sơn PU, mặt bàn dày 70mm, (giá chưa bao gồm hộc và tủ phụ) KT:(1800x900x760)mm	Cái	4.850	
8	Bàn ghế giáo viên có hộc	-Bàn giáo viên: Mặt bàn, mặt ghế bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine+ Bàn rời ghế. Mặt bàn dày 18mm, hộc liền cánh mở, khung ống thép 25x25 độ dày 0,8mm sơn tĩnh điện - Ghế giáo viên: có tựa, khung ống thép 25x25 độ dày 0,8mm sơn tĩnh điện, đệm tựa ghế gỗ dày 18mm- Kích thước bàn: (1200x600x750)mm Kích thước ghế: (450x450x450-900)mm	Cái	2.000	
III	Ghế làm việc				
1	Ghế làm việc kiểu dáng 1	Ghế xoay nhân viên, bọc vải, chân nhựa có tay, có bánh xe. KT:(560x540x900-1025)mm	Cái	660	
2	Ghế làm việc kiểu dáng 2	Ghế làm việc gỗ tự nhiên, ghế có 4 chân tĩnh, tựa ghế có nan bản rộng. KT:(430x520x1050)mm	Cái	730	
3	Ghế làm việc kiểu dáng 3	Ghế làm việc khung gỗ tự nhiên phủ sơn PU, đệm tựa bọc nỉ, KT:(420x550x1031)mm	Cái	800	

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
4	Ghế làm việc kiểu dáng 4	Ghế xoay lưới . Chân tay ghế bằng nhựa. Ghế có khung tựa nhựa bọc lưới chịu lực. Đệm ghế mút bọc vải lưới xốp. Ghế xoay có bánh xe di chuyển. KT: 590x540x925-1050 mm	Cái	1.000	
5	Ghế làm việc kiểu dáng 5	Ghế xoay lưng cao đệm tựa liền khối, chân tay bằng nhựa, đệm tựa ốp tay ghế bằng da công nghiệp, KT: (640x670x1115-1240)mm	Cái	1.350	
6	Ghế làm việc kiểu dáng 6	Ghế lãnh đạo có đệm tựa bọc da công nghiệp, chân tay ghế bằng nhựa, có bánh xe để di chuyển, trung tâm hơi điều chỉnh độ cao thấp của ghế, KT:(620x710x1115-1240) mm	Cái	1.950	
7	Ghế làm việc kiểu dáng 7	- Quy cách: Ghế gỗ kiểu 03 nan khung gỗ tự nhiên mặt veneer - KT: (400 x 400 x 450-1000) mm	Cái	670	
8	Ghế gấp 8	- Ghế gấp mặt ngồi tròn khung inox 304 độ dày 0,8mm, đệm PVC kẻ đen trắng - KT: (440x475x980) mm	Cái	500	
9	Ghế gấp 9	- Ghế gấp khung inox 304 độ dày 0,8mm đệm tựa bọc PVC màu xanh - KT: (470x515x890) mm	Cái	550	
10	Ghế giáo viên	Ghế giáo viên: Ghế sắt hộp sơn tĩnh điện. Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ công nghiệp 18mm phủ Melamine màu vân gỗ thướt: - KT: (Rộng 450*450mm, chiều cao 1: 450mm, chiều cao 2: 1000mm)	Bộ	350	
IV	Bàn máy tính				

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
1	Bàn máy tính kiểu dáng 1	Bàn bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine màu vàng, mặt bàn dày 18mm. Bàn có ngăn kéo có khóa, bàn phím và giá để CPU. Chân bàn chữ C, có bánh xe di động- Kích thước: (1196x590x765)mm	Cái	1.050	
2	Bàn máy tính kiểu dáng 2 (Bàn máy tính phòng đọc)	Khung sắt sơn tĩnh điện, khung sắt hộp 25x25x0,8(mm). Mặt bàn bằng gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine.- Bàn máy dành cho 02 người, có vách gỗ ngăn cách các khoang, ngăn kéo bàn phím bằng gỗ có thể di động, yếm dài sát đất.- Mặt bàn dày 18mm, vách dày 18mm, ngăn và yếm bàn dày 12mm.- Kích thước: (1200x500x1200)mm	Cái	1.300	
3	Bàn máy tính kiểu dáng 3	Bàn máy tính bằng gỗ công nghiệp MDF, phủ Laminate chống trầy xước, chống thấm nước. Mặt bàn dày 25mm. Cạnh bàn uốn cong. Giữa mặt bàn và chân bàn sử dụng giá đỡ mặt bàn.- Bàn có khay treo để bàn phím, ngăn kéo và hộc cánh mở có khóa.- Kích thước: (1200x700x750)mm	Cái	2.750	
4	Bàn máy tính kiểu dáng 4	Bàn máy tính gỗ công nghiệp MFC phủ Melamine, màu ghi trắng ghi chì. Mặt gỗ dày 25mm, có nẹp bo. Chân bàn và yếm màu xám chì, dày 18mm- Bàn có 01 ngăn kéo, 01 khoang để CPU và 01 khay để bàn phím.- Kích thước: (1200x600x750)mm	Cái	1.450	
V	Bàn ghế học sinh				
1	Bàn học sinh mầm non loại 1	Mặt bàn bằng nhựa PP, dày 5mm. Khung bàn bằng sắt hộp vuông 14x14, dày 0.9mm. - Chân bàn bằng thép ống Φ22, sơn tĩnh điện dày 0.9mm, có thể gấp lại dễ dàng, có núm bọc bằng cao su. - Kích thước: (900x480x500) mm	Cái	380	

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
2	Ghế học sinh mầm non loại 1	KT: Mặt ghế 260 x 260(mm), tựa ghế 280 x 180(mm), lên đỉnh tựa là 520mm. Chân ghế kiểu chữ A, chiều cao từ đất tới mặt ghế 280mm đảm bảo chắc chắn, an toàn. Toàn bộ bằng nhựa PP cao cấp đúc liền nguyên chiếc.	Cái	110	
3	Bàn học sinh mầm non loại 2	Mặt bàn bằng gỗ cao su ghép thanh. Khung bàn bằng sắt hộp vuông 14x14, dày 0.9mm. - Chân bàn bằng thép ống $\Phi 22$, sơn tĩnh điện, dày 0.9mm, có thể gấp lại dễ dàng, có nút bọc bằng cao su. - Kích thước: (900x480x500)mm	Cái	580	
4	Ghế học sinh mầm non loại 2	KT: Mặt ghế 260 x 260(mm), tựa ghế 280 x 180(mm), lên đỉnh tựa là 520mm. Chân ghế bằng thép ống $\Phi 22$ sơn tĩnh điện dày 0.9mm, chiều cao từ đất tới mặt ghế 280mm đảm bảo chắc chắn, an toàn,	Cái	200	
5	Bàn ghế học sinh tiểu học	Bộ bàn ghế học sinh tiểu học, bàn ghế rời bằng gỗ cao su ghép thanh. Một bộ gồm 01 bàn 02 chỗ ngồi và 02 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng. Khung bàn và khung ghế bằng sắt sơn tĩnh điện, sắt hộp 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8 (mm). Mặt bàn và mặt ghế, tựa ghế dày 18mm- Kích thước bàn: (1200x400x670)mm- Kích thước ghế: (340x340x(370x650))mm	Bộ	1.000	

STT	Tên sản phẩm	Đặc tính cơ bản	ĐVT	Đơn giá (1.000đ)	Hình ảnh
6	Bàn ghế học sinh THCS	Bộ bàn ghế học sinh THCS 02 chỗ, bàn ghế rời. Một bộ gồm 1 bàn 02 chỗ ngồi và 02 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng- Khung bàn và khung ghế bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8 (mm) và giằng 20x20x0,8 (mm), mặt bàn và mặt ghế bằng gỗ cao su tự nhiên ghép thanh dày 18mm- Kích thước bàn: (1200x400x720-730)mm- Kích thước ghế: (340x340x(420x700))mm	Bộ	1.050	
7	Bàn ghế học sinh THPT	Bộ bàn ghế học sinh THPT 2 chỗ bàn ghế rời. Một bộ gồm 1 bàn 2 chỗ ngồi và 2 ghế đơn. Ghế có tựa sau lưng. Khung bàn và khung ghế bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8 (mm), mặt bàn và mặt ghế bằng gỗ cao su tự nhiên ghép thanh dày 18mm. KT bàn: 1200x400x750 (mm) KT Kghế:360x360x(450x730)(mm)	Bộ	1.150	
8	Bàn ghế học sinh bán trú tiểu học loại 1	Bàn bán trú liền ghế bằng gỗ công nghiệp MFC. Mặt bàn dày 18mm, có mặt lật thành giường, rộng 400mm/1 mặt.- Khung bàn ghế được làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8(mm). Ngăn bàn dày 9mm- Kích thước: (1200x400x670)mm	Bộ	1.170	
9	Bàn ghế học sinh bán trú tiểu học 2	Bàn bán trú liền ghế. Mặt bàn, mặt ghế bằng gỗ cao su ghép thanh, mặt bàn dày 18mm, có mặt lật thành giường, rộng 450mm/mặt- Khung bàn ghế được làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện 25x25x0,8(mm) và giằng 20x20x0,8(mm), ngăn bàn dày 9mm- Kích thước: (1200x450x680)mm	Bộ	2.000	

ĐƠN VỊ ĐẦU MỜI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP NHU CẦU MUA SẮM TẬP TRUNG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH, UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ

Năm:

Số TT	Cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Dự toán (đồng)	Nguồn kinh phí mua sắm	Phương thức thanh toán	Các đề xuất khác (để tham khảo)	Mục đích sử dụng		
									Trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức và để sử dụng tại các phòng làm việc của cơ quan	Trang bị cho phòng họp, hội trường, phòng thường trực, phòng lưu trữ và các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan	Thiết bị mua sắm chuyên dùng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	
A	Tài sản đăng ký có trong danh mục tài sản tại phụ lục kèm theo hướng dẫn của đơn vị MSTT										
I	Tài sản A										
1	Đơn vị ...										
2	...										
II	Tài sản B										
1	Đơn vị ...										
2	...										
B	Tài sản đăng ký không có trong danh mục tài sản tại phụ lục kèm theo hướng dẫn của đơn vị MSTT										
I	Tài sản C (Ghi đặc điểm, yêu cầu cơ bản nhất của tài sản)										
1	Đơn vị ...										
2	...										
II	Tài sản D (Ghi đặc điểm, yêu cầu cơ bản nhất của tài sản)										
1	Đơn vị ...										
2	...										



Lưu ý: Đối với các tài sản có yêu cầu sản xuất theo thiết kế phải có bản thiết kế chi tiết được phê duyệt kèm theo

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

..... Ngày.... Tháng Năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Các cột 2,3,4,5,6,7 là chỉ tiêu bắt buộc.
- Cột 5: Ghi theo dự toán mua sắm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Cột 6: Ghi rõ từng nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ.
- Cột 7: Ghi rõ phương thức thanh toán (một lần hay nhiều lần, tiền mặt hay chuyển khoản).
- Cột 8: Đề xuất thời gian, địa điểm giao nhận tài sản để đơn vị mua sắm tập trung tính toán phương án tổ chức thực hiện mua sắm cho phù hợp với thực tế.
- Cột 9: Ghi các thông tin để đơn vị mua sắm tập trung tham khảo trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp như: Chủng loại, Màu sắc, công suất, xuất xứ của tài sản,...
- Cột 10, 11: Đánh dấu X vào cột tương ứng với mục đích sử dụng của tài sản mua sắm.